

TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN D
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 04/2024/HS-ST
Ngày 29-01-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN D, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Duyên

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Thanh Giản

Bà Trịnh Thị Anh

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Đức Hưng - Thư ký Tòa án nhân dân quận D, thành phố Hải Phòng.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận D tham gia phiên tòa:** Ông Trần Đức Dương - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 01 năm 2024, tại điểm cầu trung tâm Tòa án nhân dân quận D và điểm cầu thành phần Phòng xét xử trực tuyến Nhà Tạm giữ Công an quận D, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 03/2024/TLST-HS ngày 10 tháng 01 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2024/QĐXXST-HS ngày 18 tháng 01 năm 2024 đối với các bị cáo:

1. **Phạm Văn T** sinh năm 1987, tại Hải Phòng; nơi cư trú: Thôn P 2, xã Đ, huyện K, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn T và bà Nguyễn Thị X; có vợ là Phạm Thị C; có 02 con cùng sinh năm 2022; tiền án, tiền sự, nhân thân: Có 01 tiền án, Bản án số 77/2019/HS- PT ngày 22 tháng 02 năm 2019 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, xử phạt Phạm Văn T 09 tháng tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”, chấp hành xong hình phạt chính ngày 11 tháng 9 năm 2020, thi hành xong án phí hình sự ngày 04 tháng 7 năm 2019 (đã được xóa án tích); bị tạm giữ ngày 07 tháng 8 năm 2023, đến ngày 11 tháng 8 năm 2023 chuyển tạm giam; có mặt tại phiên tòa.

2. **Lê Như T1** sinh năm 1993, tại Thanh Hóa; nơi cư trú: Thôn C, xã A, huyện L, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 8/12; dân tộc: Mường; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Như V và bà Hà Thị T; có vợ là Hà Thị T, có 02 con, con lớn sinh năm 2013, con nhỏ sinh

năm 2019; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 30 tháng 11 năm 2023 đến ngày 04 tháng 12 năm 2023 chuyển tạm giam; có mặt tại phiên tòa.

- *Người bào chữa cho bị cáo Lê Như T1*: Bà Đoàn Thị H - Trợ giúp viên pháp lý - Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước, thành phố Hải Phòng, có mặt

- *Người làm chứng*: Anh Phạm Văn K, vắng mặt;

- *Những người chứng kiến*: Anh Phạm Khắc Q, vắng mặt;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Phạm Văn T và Lê Như T1 có quan hệ bạn bè từ trước do cùng làm thuê tại khu vực C, phường H, quận D, cả hai biết nhau đã từng sử dụng ma túy. Khoảng 11 giờ ngày 07/8/2023, T rủ Thương đi mua ma túy về sử dụng, T1 đồng ý. T đưa cho T1 100.000 đồng và chìa khóa xe mô tô biển kiểm soát 16M9-9360 của T cho T1 điều khiển đến một ngõ nhỏ ở khu vực bến xe M, quận A, thành phố Hải Phòng. T1 dừng xe đi bộ vào trong ngõ mua của một người phụ nữ không quen biết 200.000 đồng được 01 túi nilon màu trắng bên trong có chứa ma túy. Mua xong, T1 cầm gói ma túy đi ra đưa cho T, T cầm trong lòng bàn tay phải. T1 tiếp tục điều khiển xe chở T về nơi ở của T1 để sử dụng, khi đang đi đến địa phận thuộc tổ 10 phường H, quận D thì bị lực lượng Công an kiểm tra, T1 dừng xe rồi bỏ chạy còn T bị bắt quả tang, thu giữ vật chứng gồm: 01 gói nilon màu trắng kích thước 02cm x 1,5 cm, bên trong có tinh thể màu trắng nghi là ma túy T đang cầm ở tay phải; 01 xe mô tô biển kiểm soát 16M9- 9360, 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu hồng đã qua sử dụng.

Lê Như T1 bỏ trốn sau đó đến ngày 30/11/2023 tới Công an quận D đầu thú.

Khám xét khẩn cấp nơi ở của Phạm Văn T tại thôn P 2, xã Đ, huyện K, Cơ quan điều tra không thu giữ đồ vật gì liên quan đến vụ án.

Kết luận giám định số 661/KL-KTHS ngày 11/8/2023 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an thành phố Hải Phòng, kết luận: Tinh thể màu trắng thu giữ của Phạm Văn T gửi giám định là ma túy, có khối lượng 0,23 gam, loại Methamphetamine.

Quá trình điều tra Phạm Văn T và Lê Như T1, khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu trên.

Về xử lý vật chứng: 01 điện thoại di động OPPO màu hồng đã qua sử dụng, không liên quan đến hành vi phạm tội, Cơ quan điều tra đã trả lại cho chị Phạm Thị C là vợ của T. Đối với xe mô tô biển kiểm soát 16M9-9360 do T sử dụng, quá trình điều tra chưa xác định được chủ sở hữu hợp pháp nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận D tiếp tục tạm giữ để điều tra xử lý sau. Hiện Chi cục Thi hành án dân

sự quận D đang quản lý: 01 phong bì niêm phong số 661 MT/PC09 là số ma túy còn lại sau giám định.

Do chưa xác định được nhân thân, lai lịch người phụ nữ đã bán ma túy cho Phạm Văn T và Lê Như T1 tại khu vực Bến xe M, quận A, thành phố Hải Phòng vào trưa ngày 07/8/2023 nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận D tiếp tục điều tra để xử lý sau.

Tại Cáo trạng số 04/CT-VKS ngày 08/01/2024 của Viện Kiểm sát nhân dân quận D, thành phố Hải Phòng đã truy tố Phạm Văn T và Lê Như T1 cùng về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, các bị cáo đều khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên. Đồng thời tỏ ra ăn năn, hối cải về hành vi phạm tội của mình và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Toàn bộ những người làm chứng và người chứng kiến đều vắng mặt tại phiên tòa nên không có lời trình bày.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận D trình bày lời luận tội: Sau khi phân tích, đánh giá tính chất vụ án, tính chất mức độ hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và đặc điểm nhân thân của bị cáo đã giữ nguyên quan điểm truy tố theo Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Điểm c khoản 1 Điều 249; Điều 38, Điều 17, Điều 58; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự để xử phạt bị cáo Phạm Văn T từ 21 tháng tù đến 24 tháng tù, áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; Điều 38, Điều 17; Điều 58; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự để xử phạt bị cáo Lê Như T1 từ 18 tháng tù đến 21 tháng tù, cùng về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”; đề nghị không áp dụng phạt tiền là hình phạt bổ sung đối với bị cáo; về vật chứng: Đề nghị tịch thu tiêu hủy số ma túy còn lại sau giám định và đề nghị buộc bị cáo Phạm Văn T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và đề nghị miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Lê Như T1 theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của các bị cáo: Về tội danh, về căn cứ pháp luật áp dụng: Không tranh luận. Về hình phạt: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để bị cáo sớm có cơ hội tái hòa nhập cộng đồng và làm công dân có ích cho xã hội. Người bào chữa cho bị cáo Lê Như T1 đề nghị Hội đồng xét xử xem xét hoàn cảnh của bị cáo Lê Như T1 là hộ cận nghèo, là người dân tộc thiểu số, có hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung và miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Lê Như T1.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

- Về tố tụng:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an quận D, thành phố Hải Phòng, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân quận D, thành phố Hải Phòng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về sự vắng mặt của người làm chứng và người chứng kiến tại phiên tòa: Toàn bộ những người này đều đã có lời khai trong quá trình điều tra, những lời khai này đã được Cơ quan điều tra thực hiện theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Do vậy Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt họ theo quy định tại khoản 1 Điều 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Về nội dung:

[3] Về tội danh: Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người làm chứng, phù hợp với Biên bản bắt người phạm tội quả tang, phù hợp với Kết luận giám định và phù hợp với các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Vì vậy đã có đủ cơ sở kết luận như sau: Vào khoảng hơn 12 giờ ngày 07/8/2023, trên trục đường rừng dừa, thuộc địa phận tổ 10, phường H, quận D, thành phố Hải Phòng, Phạm Văn T và Lê Như T1 đã có hành vi cất giấu trái phép 0,23 gam túy, loại Methamphetamine trong lòng bàn tay phải của Phạm Văn T cùng mục đích để sử dụng nên cấu thành tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự như Cáo trạng số 04/CT-VKS ngày 08/01/2024 của Viện Kiểm sát nhân dân quận D, thành phố Hải Phòng đã truy tố đối với các bị cáo Phạm Văn T, Lê Như T1 là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa, các bị cáo đều có thái độ thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình nên các bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Riêng bị cáo Lê Như T1 là người dân tộc thiểu số (dân tộc Mường), sau khi thực hiện hành vi phạm tội do lo sợ nên đã bỏ trốn, đến ngày 30/11/2023 tới Công an quận D đầu thú. Do vậy bị cáo Lê Như T1 còn được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự khi quyết định hình phạt.

[6] Về nhân thân: Bản án số 77/2019/HS- PT ngày 22/02/2019 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, xử phạt Phạm Văn T 09 tháng tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”, chấp hành xong hình phạt chính ngày 11/9/2020, thi hành xong án phí hình sự ngày 04/7/2019; theo quy định tại Điều 70 và Điều 73 của Bộ luật Hình sự

thì bị cáo đã được xóa án tích. Mặc dù vậy vẫn có đủ cơ sở để khẳng định bị cáo Phạm Văn T là người có nhân thân xấu, đã từng bị xét xử và chấp hành hình phạt tù giam, được giáo dục, cải tạo một thời gian dài nhưng vẫn chưa rút ra bài học cho bản thân mà vẫn tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội. Điều đó thể hiện ý thức chấp hành pháp luật của bị cáo còn rất nhiều hạn chế.

[7] Vai trò của các bị cáo: Đây là vụ án có đồng phạm giản đơn nhưng cũng cần phải phân hóa rõ vai trò của từng bị cáo để làm cơ sở cá thể hóa trách nhiệm hình sự. Trong vụ án này Phạm Văn T là người có vai trò cao hơn, chủ động rủ bị cáo Lê Như T1 cùng đi mua ma túy về sử dụng. Bị cáo T góp tiền, đưa xe cho bị cáo T1 đi mua ma túy về sử dụng nên bị cáo T phải chịu hình phạt cao hơn bị cáo T1.

[8] Về hình phạt đối với bị cáo: Tính chất của vụ án là nghiêm trọng, hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến chế độ độc quyền quản lý các chất ma túy của Nhà nước ta. Tệ nạn ma túy đã và đang là hiểm họa lớn, gây tác hại xấu cho sức khỏe con người, làm băng hoại các giá trị đạo đức, văn hóa, truyền thống của dân tộc, gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến trật tự, an toàn xã hội và là nguyên nhân, tiền đề làm phát sinh nhiều loại tội phạm khác. Do vậy căn cứ vào tính chất, mức độ hành vi phạm tội, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và đặc điểm nhân thân của các bị cáo, Hội đồng xét xử thấy cần thiết phải cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian, xử phạt bị cáo ở trên mức khởi điểm của khung hình phạt quy định tại khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự và trong mức đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận D tại phiên tòa mới đủ tác dụng giáo dục, cải tạo bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung, đồng thời thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật.

[9] Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo đều là người nghiện ma túy, không có nghề nghiệp, thu nhập ổn định, không có tài sản riêng có giá trị lớn nên không áp dụng phạt tiền là hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[10] Về xử lý vật chứng: Số ma túy còn lại sau giám định là "Vật thuộc loại Nhà nước cấm tàng trữ trái phép". Do vậy cần tịch thu tiêu hủy theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[11] Quá trình điều tra chưa xác định được chủ sở hữu hợp pháp của xe mô tô biển kiểm soát 16M9-9360 nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận D tiếp tục tạm giữ để xử lý là phù hợp với các quy định của pháp luật.

[12] Quá trình điều tra chưa xác định được nhân thân, lai lịch của người phụ nữ đã bán ma túy cho các bị cáo tại khu vực bến xe M, quận A, thành phố Hải Phòng vào trưa ngày 07/8/2023, nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận D đã tách ra để tiếp tục điều tra để xử lý sau là phù hợp.

[13] Về án phí: Bị cáo Phạm Văn T phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị

quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[14] Bị cáo Lê Như T1 là người dân tộc thiểu số và thuộc diện hộ cận nghèo nên được miễn án phí hình sự sơ thẩm theo điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[15] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo được quyền kháng cáo bản án theo Điều 331 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38, Điều 17, Điều 58; của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Phạm Văn T 24 (hai mươi bốn) tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ là ngày 07 tháng 8 năm 2023.

Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38, Điều 17 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Lê Như T1 18 (mười tám) tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ là ngày 30 tháng 11 năm 2023.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng phạt tiền là hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 47 và khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, tịch thu tiêu hủy 0,16 gam Methamphetamine (số ma túy còn lại sau giám định) được chứa trong 01 phong bì niêm phong số 661MT/PC09 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an thành phố Hải Phòng (theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 09 tháng 01 năm 2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận D, thành phố Hải Phòng).

Về án phí: Bị cáo Phạm Văn T phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo Lê Như T1 được miễn án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo bản án: Bị cáo Phạm Văn T và bị cáo Lê Như T1 có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật

Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP. Hải Phòng;
- VKSND TP. Hải Phòng;
- PV 06; PC10 Công an TP. Hải Phòng;
- Sở Tư pháp TP Hải Phòng;
- VKSND quận D;
- CA quận D;
- Chi cục THADS quận D;
- Bị cáo;
- Lưu: Hồ sơ, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Duyên